

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 195/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 9 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung các dự án đầu tư cần thu hồi đất
và các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa,
đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Xét Tờ trình số 7820/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất và các dự án cần chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Danh mục bổ sung các dự án đầu tư cần thu hồi đất năm 2020

1. Tổng số dự án cần thu hồi đất: 20 dự án; gồm 19 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và 01 dự án ngoài ngân sách.

2. Tổng diện tích đất cần thu hồi: 1.962.376 m²; gồm 495.719 m² đất lâm nghiệp, 1.441.321 m² đất sản xuất nông nghiệp và 25.336 m² đất phi nông nghiệp.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

Điều 2. Danh mục bổ sung các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2020

1. Tổng số dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất: 07 dự án; gồm 05 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và 02 dự án ngoài ngân sách.

2. Tổng diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất: 161.184 m²; gồm 98.484 m² đất trồng lúa và 62.700 m² đất rừng phòng hộ.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để triển khai các dự án đầu tư, nếu có sai số giữa diện tích đo đạc thực tế với diện tích ghi trong Nghị quyết này thì lấy theo số liệu đo đạc thực tế. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Trần Đức Quận

Phụ lục I

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 195 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị: m²

STT	Tên dự án	Loại dự án		Địa điểm thu hồi	Diện tích đất thu hồi	Loại đất đang sử dụng			Đối tượng thu hồi đất
		Sử dụng vốn NSNN	Ngoài ngân sách			Đất lâm nghiệp	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
I	HUYỆN LẠC DƯƠNG				105,880		105,880		
1	Nâng cấp đường Hàn Mặc Tử	x		Thị trấn Lạc Dương	800		800		Hộ gia đình, cá nhân
2	Điểm dân cư Đa Nhim	x		Xã Đa Nhim	20,000		20,000		Hộ gia đình, cá nhân
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng điện Long Hội - Hạng mục thu hồi đất bổ sung lòng hồ thủy điện Đa Dăng		x	Xã Lát	85,080		85,080		Hộ gia đình, cá nhân, Ban Quản lý rừng phòng hộ Đại Ninh và Công ty TNHH Đầu tư Hàn Việt
II	HUYỆN ĐỨC TRỌNG				1,220,000	112,530	1,084,704	22,766	
4	Hồ chứa nước Ta Hoét	x		Xã Hiệp An	1,220,000	112,530	1,084,704	22,766	Hộ gia đình, cá nhân và tổ chức
III	HUYỆN LÂM HÀ				31,973		31,973		
5	Hồ chứa nước thôn 1B	x		Xã Tân Thanh	30,000		30,000		Hộ gia đình, cá nhân
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đức Thành, xã Hoài Đức	x		Xã Hoài Đức	1,973		1,973		Hộ gia đình, cá nhân
IV	HUYỆN DI LINH				173,000		173,000		
7	Nâng cấp cầu dân sinh thuộc dự án LRAMP	x		Xã Tam Bó	500		500		Hộ gia đình, cá nhân
				Xã Gia Hiệp	200		200		
				Xã Đinh Lạc	500		500		
				Xã Đinh Trang Hòa	200		200		
				Xã Liên Đàm	200		200		
				Xã Gung Ré	200		200		
8	Nâng cấp ĐT.725 đoạn qua xã Tân Lâm	x		Xã Tân Lâm	2,500		2,500		Hộ gia đình, cá nhân

9	Nâng cấp đường liên xã Hòa Ninh - Hòa Bắc và xây dựng 02 tuyến đường đối nội thuộc quy hoạch Hòa Ninh	x		Xã Hòa Ninh	12,000		12,000		Hộ gia đình, cá nhân
10	Đường liên xã Tân Nghĩa - Tân Châu - Tân Thượng	x		Xã Tân Châu	60,000		60,000		Hộ gia đình, cá nhân
				Xã Tân Nghĩa	7,000		7,000		
11	Đường thôn 17 xã Hòa Bắc đi xã Hòa Ninh	x		Xã Hòa Bắc	18,000		18,000		Hộ gia đình, cá nhân
				Xã Hòa Nam	1,000		1,000		
12	Đường vào khu sản xuất lớn xã Đinh Lạc - Gia Hiệp	x		Xã Gia Hiệp	22,000		22,000		Hộ gia đình, cá nhân
				Xã Đinh Lạc	8,000		8,000		
13	Cầu La Ôn trên tuyến đường Đinh Trang Hòa - Hòa Trung	x		Xã Hòa Bắc	4,600		4,600		Hộ gia đình, cá nhân
14	Đường thôn 4, thôn 5, xã Tam Bó	x		Xã Tam Bó	14,000		14,000		Hộ gia đình, cá nhân
15	Đường vào khu sản xuất thôn 6, 7, xã Tân Châu	x		Xã Tân Châu	16,200		16,200		Hộ gia đình, cá nhân
				Xã Tân Thượng	5,900		5,900		
V	HUYỆN BẢO LÂM				174		174		
16	Hội trường tổ dân phố 5	x		Thị trấn Lộc Thắng	174			174	Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng
VI	HUYỆN CÁT TIÊN				431,349	383,189	45,764	2,396	
17	Hồ chứa nước Đạ Lây	x		Xã Nam Ninh và Xã Quảng Ngãi	338,700	337,462	1,238		Hộ gia đình, cá nhân
18	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Cát Tiên	x		Thị trấn Cát Tiên	4,216		4,205	11	Hộ gia đình, cá nhân,
19	Hồ chứa nước Đạ Sị (hạng mục đường tránh ngập lòng hồ)	x		Xã Tiên Hoàng	83,253	45,727	37,483	43	Hộ gia đình, cá nhân
20	Trụ sở Đảng ủy, UBND, khối mặt trận và các đoàn thể thị trấn Cát Tiên	x		Thị trấn Cát Tiên	5,180		2,838	2,342	Hộ gia đình, cá nhân
	TỔNG CỘNG	19	1		1,962,376	495,719	1,441,321	25,336	

Phụ lục II
DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
TỪ ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 195 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị: m²

STT	Tên dự án	Loại dự án		Địa điểm chuyển mục đích sử dụng đất	Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng	Loại đất đang sử dụng	
		Sử dụng vốn NSNN	Ngoài ngân sách			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT				62,700		62,700
1	Đường qua Khu trung tâm đón tiếp Khu du lịch quốc gia hồ Tuyên Lâm	x		Phường 4	40,400		40,400
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Đại Việt		x	Xã Tà Nung	22,300		22,300
II	HUYỆN ĐỨC TRỌNG				84,402	84,402	
3	Lô A2 - Khu công nghiệp Phú Hội		x	Xã Phú Hội	84,402	84,402	
III	HUYỆN DI LINH				7,000	7,000	
4	Đường vào khu sản xuất lớn xã Đinh Lạc - Gia Hiệp	x		Xã Gia Hiệp	5,000	5,000	
				Xã Đinh Lạc	2,000	2,000	
IV	HUYỆN CÁT TIÊN				7,082	7,082	
5	Trụ sở Đảng ủy, UBND, khối mặt trận và các đoàn thể thị trấn Cát Tiên	x		Thị trấn Cát Tiên	2,838	2,838	
6	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Cát Tiên	x		Thị trấn Cát Tiên	4,205	4,205	
7	Hồ chứa nước Đa Sĩ	x		Xã Tiên Hoàng	39	39	
TỔNG CỘNG		5	2		161,184	98,484	62,700